

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hương Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Thế Hanh

Ông Lê Thanh Miện

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:* ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 09 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 15 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1994 (có mặt)

HKTT: Thôn T, xã M, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Chu Bá K– sinh năm 1989 (vắng mặt)

Chỗ ở: thôn T, xã M, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn xin ly hôn đề ngày 16/8/2022 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:* Chị và anh Chu Bá K kết hôn với nhau vào ngày 02/10/2014 trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã M, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh K làm dâu ngay. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K thường xuyên chửi bới, đánh đập chị vô cớ trong khi chị đang mang thai con thứ 3 là cháu Chu Xuân Phúc, Anh

K cũng thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhắn tin gọi điện làm phiền bạn bè của chị, nhắn tin đe dọa, hành hung tinh thần của chị. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 11/2021 đến nay, anh K có đề nghị chị về đoàn tụ nhưng chị xác định không thể đoàn tụ được nên không về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Chu Bá K không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh Chu Bá K.

*Về con chung:* Chị T xác định vợ chồng có ba con chung là: Chu Hoài An, sinh ngày 16/7/2015; Chu Minh Thu, sinh ngày 30/7/2017 và Chu Xuân Phúc, sinh ngày 18/8/2020. Hiện nay các con chung đều đang ở với mẹ. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung. Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hiện nay chị đang làm nghề bán hàng online, thu nhập bình quân khoảng 40 triệu đến 50 triệu đồng/tháng.

*Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Chu Bá K có lời khai trình bày:* anh và chị T kết hôn với nhau ngày 02/10/2014. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng đoàn tụ ngay và chung sống cùng nhau. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến nay. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, cãi nhau linh tinh vài chuyện riêng tư cá nhân của từng người, sau đó vợ chồng lại tự thỏa thuận được, chị T và anh ghen tuông vợ vẫn nên vợ chồng mới cãi nhau. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở cách đây một năm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng chị T vẫn không về anh xác định anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T nên anh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng không đồng ý.

*Về con chung:* Anh xác định vợ chồng có ba con chung là Chu Hoài An, sinh ngày 16/7/2015; Chu Minh Thu, sinh ngày 21/8/2017 và Chu Xuân Phúc, sinh ngày 18/8/2020. Hiện nay các con chung vẫn ở với anh để đi học. Tối chị T lại đón về ở với chị T, có hôm thì ngủ luôn với anh. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang làm nghề tự do, thu nhập bình quân từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng/tháng.

*Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác:* Anh K chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng

quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35 Điều 147, Điều 227 Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn anh K

Về con chung: Giao cho chị T được nuôi dưỡng con chung Chu Hoài An, sinh ngày 16/7/2015 và Chu Xuân Phúc, sinh ngày 18/8/2020; giao cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Chu Minh Thu sinh ngày 21/8/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm  
Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Đỗ Thị T xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 [Bộ luật tố tụng dân sự](#). Anh Chu Bá K có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã M, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh K vắng mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hiệp Hòa được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị T cho rằng anh K thường xuyên đánh đập chị, hay ghen tuông vô cớ; nhảm nhí làm phiền bạn bè của chị; nhảm nhí đe dọa chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau; vợ chồng ly thân 11/2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K. Anh K cho rằng quá trình vợ chồng chung sống chị T và gia đình vợ chồng vẫn sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Vợ chồng chỉ thỉnh thoảng cãi nhau vì một vài chuyện

riêng tư nhỏ nhất và vì vợ chồng ghen tuông với nhau nhưng sau đó lại làm hòa được. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ đã 01 năm. Anh có xuống đón chị T về nhưng chị T không về. Nay chị T xin ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy anh K mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T bỏ về nhà mẹ đẻ đã 01 năm nhưng anh K không có biện pháp tích cực nào để vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau. Tại phiên hòa giải ngày 15/9/2022 tòa án triệu tập anh K và chị T hòa giải nhưng anh K cũng không đưa ra được phương pháp để vợ chồng về đoàn tụ. Hơn nữa khi làm việc anh đã không ký vào văn bản tố tụng của tòa án mà tự ý bỏ về. Điều này chứng tỏ anh không tôn trọng pháp luật và việc anh K đề nghị Hòa giải nhưng khi Tòa án ghi quan điểm của anh vào biên bản thì anh K không đồng ý ký. Tại phiên tòa chị T vẫn kiên quyết xin ly với anh K và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh K được. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh K không đồng ý ly hôn là chỉ muốn kéo dài đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc của anh K và chị T mà thôi. Vì thế, cần xử cho chị T được ly hôn anh K theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh K cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Chu Hoài An, sinh ngày 16/7/2015; Chu Minh Thu, sinh ngày 21/8/2017 và Chu Xuân Phúc, sinh ngày 18/8/2020. Vợ chồng ly hôn chị T và anh K đều đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Quyền và nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung của cả chị T và anh K là như nhau và nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Hiện nay chị T và anh K đều đi làm và có thu nhập. Vì vậy, cả anh K và chị T đều có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu Xuân Phúc còn nhỏ chưa được 36 tháng tuổi nên quyền nuôi dưỡng nhiên thuộc về người mẹ là chị T. Hai cháu lớn thì chị T có nguyện vọng được nuôi cháu An và đề nghị giao cháu Thu cho anh K nuôi dưỡng. Anh K không có mặt tại phiên tòa và căn cứ vào nguyện vọng của hai cháu thì cần giao cháu Thu cho anh K nuôi dưỡng và giao cháu An cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cả chị T và anh K đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác*: chị T và anh K đều chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Chu Bá K.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị T được nuôi dưỡng hai con chung Chu Hoài An, sinh ngày 16/7/2015 và Chu Xuân Phúc, sinh ngày 18/8/2020. Giao cho anh K được nuôi dưỡng hai con chung Chu Minh Thu, sinh ngày 21/8/2017. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết. Chị Đỗ Thị T và anh Chu Bá K được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008263 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác định chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Miện    Bùi Thế Hanh**

**Hoàng Thị Hương Lan**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Hương Lan**

